

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ THIỆN
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 20/ 7/ 2020

*“V/v: Tuyên bố không công nhận
quan hệ vợ chồng, nuôi con chung”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ THIỆN TỈNH GIA LAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Ruyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chế Công Nghị và ông Rmah Ét.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Hoàng - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Thiện tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Phú Thiện, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2019/HNGĐ, ngày 09/12/2019; về yêu cầu *“Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng, nuôi con chung”*; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 10/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26/6/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Hồng C, sinh năm: 1965 (có mặt).

Địa chỉ: thôn G, xã I, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai

Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm: 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: thôn A, xã I, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/12/2019, bản tự khai cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Hồng C trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và ông Lê Văn T quen biết tìm hiểu trên tinh thần tự nguyện và sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2003, nhưng không có đăng ký kết hôn; trong cuộc sống lúc đầu khá hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây hay có nhiều khúc mắc, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra, vợ chồng không tôn trọng nhau, thường xuyên cãi vã, cả hai không có trách nhiệm với nhau về tình cảm cũng như về tinh thần, để cùng nhau xây dựng gia đình nuôi dạy con cái, nên quan điểm sống thường trái ngược nhau, sự việc trên thì gia đình hai bên và chính quyền địa phương khuyên giải nhiều lần, nhưng cuộc sống chung giữa tôi và ông Thảo không thể tồn tại được, hiện tôi không còn tình cảm với ông Thảo nữa, chúng tôi đã ly thân nhau lâu rồi; vậy yêu cầu Tòa án giải quyết về hôn nhân Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa tôi với ông Lê Văn T.

Về con chung: Tôi và ông Lê Văn T có 01 con chung, tên Lê Trần Lê H,

sinh ngày 02/8/2004; nguyện vọng của tôi xin nhận nuôi con chung và không yêu cầu ông Thảo phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ thanh toán: Tôi không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Tôi tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định.

Đối với bị đơn ông Lê Văn T ; Tòa án huyện Phú Thiện, đã tiến hành triệu tập ông T lên trụ sở Tòa án, nhưng ông T không lên làm việc, không ký nhận văn bản Tổ tụng, không khai báo, nên Tòa án phải đi xác minh và lập các thủ tục Niêm yết công khai các văn bản tố tụng như: Giấy triệu tập, Thông báo hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã; tại trụ sở Tòa án và địa chỉ của ông T theo đúng quy định của pháp luật, nhưng ông T vẫn không tham gia tố tụng, không hợp tác cùng Tòa án để giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai phát biểu quan điểm về tố tụng và nội dung vụ án như sau:

Căn cứ các Điều 21; 28; 35; 147; 170; 203; 205; 232 và 262 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư số: 01/ 2016/ TTLT/ TANDTC -VKSNDTC - BTP ngày 06/01/2016;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27; Điều 47; Điều 48 của Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ, từ khâu thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận và hòa giải, các bước tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định, đúng thẩm quyền giải quyết, thời gian giải quyết vụ án đảm bảo, giải quyết theo yêu cầu nội dung khởi kiện; Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ trình tự các bước của phiên tòa dân sự sơ thẩm.

Về Nội dung: Quan hệ về tranh chấp Không công nhận quan hệ vợ chồng là đúng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn theo quy định.

Về con chung: Bà C và ông T có 01 con chung, tên Lê Trần Lệ H , sinh ngày 02/8/2004; nguyện vọng của bà C nhận nuôi con là có cơ sở, vì cháu H đang ở độ tuổi trưởng thành, nên cần sự trông nom, chăm sóc, giáo dục của người mẹ là rất cần thiết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, bà C không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét do đương sự không có yêu cầu.

Về án phí: Bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn không đến làm việc, không hợp tác cùng Tòa án để ký nhận văn bản tố tụng; vì vậy Tòa án phải niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định; tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ nhất, nên phải hoãn phiên tòa; mở phiên tòa xét xử lần thứ hai theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hôn nhân: Bà Trần Thị Hồng C và ông Lê Văn T quen biết tìm hiểu trên tinh thần tự nguyện và sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2003, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định; mặc dù Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành luật hôn nhân - gia đình và Nghị định số 77/2001/NĐ-CP ngày 27/10/2001 quy định chi tiết về đăng ký kết hôn, nhưng bà C và ông T vẫn không đăng ký kết hôn, nên hôn nhân của bà C và ông T là không hợp pháp; theo Thông tư số: 01/ 2016/TTLT/ TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 06/01/2016 và Luật hôn nhân và gia đình, bà C yêu cầu giải quyết về hôn nhân, thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng.

Xét cuộc sống chung của bà C và ông T không có hạnh phúc, tình cảm giữa bà C và ông T không còn thương yêu nhau nữa, đã sống ly thân nhau lâu rồi rồi, mâu thuẫn của bà C và ông T không thể khắc phục được, thường xuyên xảy ra hơn, hôn nhân ngày càng lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn tuyên bố Không công nhận quan hệ vợ chồng, giữa bà C và ông T là có căn cứ đúng pháp luật.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: bà Cẩm không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về con chung: Bà C và ông T có 01 con chung tên Lê Trần Lệ H , sinh ngày 02/8/2004; (*nguyện vọng của cháu H muốn ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn*) bà C xin nhận nuôi con chung, vì cháu H đang học và ở độ tuổi trưởng thành, nên cần sự trông nom chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục của người mẹ là rất cần thiết. Hội đồng xét xử xét yêu cầu của bà Cẩm là hoàn toàn có cơ sở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, bà C không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Thiện tại phiên tòa là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28; 35; 39; 147; 170 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng khoản 4 Điều 3 Thông tư số: 01/2016/TTLT/TANDTC-VKSNDTC - BTP ngày 06/01/2016;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27; Điều 47; Điều 48 của Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Hồng C .

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan vợ chồng giữa bà Trần Thị Hồng C và ông Lê Văn T .

Về con chung: Giao 01con chung tên Lê Trần Lê H , sinh ngày 02/8/2004 cho bà Trần Thị Hồng C (*nguyên vọng của cháu H muốn ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn*) là người được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu H thành niên và tự lập được hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và tài sản để tự nuôi mình; ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và áp dụng việc cấp dưỡng nuôi con chung; ông T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở thực hiện quyền này.

Nếu người không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con; người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về án phí: Bà Trần Thị Hồng C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0006418 ngày 09/12/2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai; bà C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (20/7/2020) các đương sự có quyền kháng cáo bản án; riêng ông T vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã phường nơi cư trú, lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKSND.H Phú Thiện;
- Chi cục THADS.H Phú Thiện;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã, thị trấn;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Bùi Đức Ruyệt